

Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2018

Số: 582/QĐ-TCTK

CỤC THỐNG KÊ TỈNH KON TUM

ĐẾN

Số: 28/01/2019

Ngày: 28/01/2019

Chuyển:

Lưu Hồ Sơ Số:

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều tra xuất khẩu, nhập khẩu dịch vụ

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỐNG KÊ

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 54/2010/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Quyết định số 65/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 3 Quyết định số 54/2010/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê trực thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 43/2016/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình Điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1793/QĐ-BKHĐT ngày 12 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ủy quyền cho Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê ký quyết định tiến hành điều tra thống kê được phân công trong Chương trình điều tra thống kê quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 372/QĐ-TCTK ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê về việc ban hành Kế hoạch điều tra thống kê năm 2019;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thống kê Thương mại và Dịch vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tổ chức điều tra thu thập thông tin thống kê kết quả hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu dịch vụ của các doanh nghiệp với Phương án ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Giám đốc, chủ doanh nghiệp quy định ở Điều 1 có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin theo phiếu điều tra.

photo
- Đ/c Cục trưởng
- Đ/c ĐCT (Đ&H) (Đ&H)
- Chuyển VB phụ TK công thẩm
- Đăng web CTK:
28/01/2019 (đang)

Điều 3. Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được chọn điều tra có trách nhiệm tổ chức thực hiện điều tra theo đúng Phương án quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 5. Vụ trưởng Vụ Thống kê Thương mại và Dịch vụ, Vụ trưởng Vụ Phương pháp chế độ thống kê và Công nghệ thông tin, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch tài chính, Chánh Văn phòng Tổng cục Thống kê, Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định tại Điều 3 và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan của Tổng cục Thống kê chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *lau*

Nơi nhận:

- Như điều 5;
- Lãnh đạo Tổng cục;
- Lưu: VT, TMDV.

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Nguyễn Bích Lâm

**PHƯƠNG ÁN ĐIỀU TRA
XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU DỊCH VỤ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 582/QĐ-TCTK ngày 27 tháng 7 năm 2018
của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê)*

1. Mục đích, yêu cầu điều tra

a. Mục đích

Điều tra xuất, nhập khẩu dịch vụ nhằm thu thập thông tin về hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu dịch vụ (thu do xuất khẩu dịch vụ và chi do nhập khẩu dịch vụ) và chi phí bảo hiểm, chi phí vận tải đối với hàng hóa nhập khẩu của các doanh nghiệp phục vụ cho việc tổng hợp số liệu xuất, nhập khẩu dịch vụ của Việt Nam đáp ứng việc tính toán các chỉ tiêu thống kê của hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia, thống kê tài khoản quốc gia, cán cân thanh toán quốc tế; phục vụ nhu cầu thông tin thống kê trong quản lý, hoạch định chính sách của Chính phủ, các Bộ, ngành; nhu cầu sử dụng thông tin thống kê của các nhà đầu tư, doanh nghiệp và các đối tượng sử dụng thông tin khác.

b. Yêu cầu

Thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung nội dung điều tra được quy định trong phương án điều tra; đảm bảo tính so sánh với các kỳ điều tra trước; đáp ứng yêu cầu so sánh quốc tế và nhu cầu của người sử dụng thông tin.

2. Đối tượng, đơn vị và phạm vi điều tra

a. Đối tượng điều tra

Doanh nghiệp có phát sinh giao dịch thu, chi với nước ngoài về lĩnh vực dịch vụ vận tải, dịch vụ bưu chính viễn thông, dịch vụ bảo hiểm, dịch vụ tài chính ngân hàng và các dịch vụ khác (dịch vụ xây dựng, dịch vụ bảo trì và sửa chữa; dịch vụ máy tính thông tin; phí mua, bán, nhượng quyền và quyền sử dụng thương hiệu; dịch vụ cá nhân văn hóa và giải trí; dịch vụ môi giới mua, bán hàng hóa, dịch vụ thuê hoạt động, dịch vụ tư vấn kỹ thuật, dịch vụ liên quan đến thương mại khác).

b. Đơn vị điều tra

Các doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập, được thành lập và chịu sự điều chỉnh bởi Luật Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh, có hoạt

động nhập khẩu trực tiếp hàng hóa từ nước ngoài hoặc có phát sinh giao dịch thu hoặc chi về dịch vụ với nước ngoài.

Đối với các Tập đoàn, Tổng công ty đơn vị điều tra là: (1) Văn phòng Tập đoàn, Tổng công ty (báo cáo phân hoạt động của văn phòng Tập đoàn, Tổng công ty và các đơn vị hạch toán phụ thuộc vào Văn phòng Tập đoàn, Tổng công ty) và (2) các doanh nghiệp hạch toán trực thuộc Tập đoàn, Tổng công ty hạch toán kinh tế độc lập.

Đối với các công ty mẹ, công ty con đơn vị điều tra là: công ty mẹ và các công ty thành viên là công ty con hạch toán kinh tế độc lập.

c. Phạm vi điều tra

Cuộc điều tra thực hiện tại 40 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Danh sách các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được tiến hành điều tra đề cập trong Phụ lục 1). Trong đó:

- Điều tra toàn bộ các doanh nghiệp thuộc đối tượng điều tra có hoạt động sản xuất kinh doanh chính là dịch vụ vận tải, dịch vụ hỗ trợ vận tải, dịch vụ bảo hiểm, dịch vụ bưu chính, viễn thông, dịch vụ tài chính ngân hàng có phát sinh giao dịch thu hoặc chi với nước ngoài trong năm 2018;

- Điều tra chọn mẫu các doanh nghiệp thuộc đối tượng điều tra có hoạt động kinh doanh chính thuộc ngành khác có phát sinh giao dịch thu hoặc chi về dịch vụ với nước ngoài trong năm 2018 (căn cứ vào danh sách do Ngân hàng Nhà nước cung cấp);

- Điều tra chọn mẫu các doanh nghiệp có hoạt động nhập khẩu hàng hóa trực tiếp từ nước ngoài trong năm 2018 (căn cứ vào danh sách do Tổng cục Hải quan cung cấp).

3. Thời gian điều tra và thời kỳ thu thập số liệu

a. Thời gian điều tra

- Đối với kỳ điều tra toàn bộ chu kỳ 5 năm: thu thập thông tin tại các doanh nghiệp từ ngày 01/7/2019 đến ngày 31/7/2019.

- Đối với kỳ điều tra mẫu chu kỳ năm: thu thập thông tin xuất, nhập khẩu dịch vụ tại các doanh nghiệp từ ngày 01/3/2020 đến ngày 31/3/2020.

b. Thời kỳ thu thập số liệu

- Đối với kỳ điều tra toàn bộ chu kỳ 5 năm: thu thập thông tin chính thức năm 2018 và dự ước 6 tháng đầu năm 2019.

- Đối với kỳ điều tra mẫu chu kỳ năm: thu thập thông tin thực hiện 6 tháng đầu năm và cả năm 2019.

4. Nội dung điều tra, phiếu điều tra

a. Nội dung điều tra

(1) Thông tin chung về doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp, địa chỉ, điện thoại, Fax, email của doanh nghiệp;
- Mã số thuế của doanh nghiệp;
- Tên, số điện thoại của giám đốc (hoặc kế toán trưởng), người ghi phiếu;
- Loại hình doanh nghiệp;
- Ngành hoạt động sản xuất kinh doanh chính.

(2) Thông tin về thu, chi dịch vụ với nước ngoài của doanh nghiệp: tổng trị giá thu, chi về dịch vụ với nước ngoài chi tiết theo từng loại dịch vụ và từng nước đối tác;

Lưu ý: không thu thập số liệu thu, chi của doanh nghiệp với khách hàng nước ngoài về các loại dịch vụ sau:

- Các khoản thu của doanh nghiệp về việc cho khách nước ngoài thuê phòng khách sạn, nhà nghỉ; bán hàng hóa, vé tham quan, giải trí,... cho người nước ngoài (được thu thập từ cuộc điều tra chi tiêu của khách du lịch nước ngoài tại Việt Nam);

- Các khoản thu từ việc cung cấp dịch vụ, bán hàng hóa cho các tổ chức quốc tế, Đại sứ quán, Lãnh sự quán nước ngoài tại Việt Nam (được thu thập từ nguồn khác).

(3) Thông tin về trị giá nhập khẩu hàng hóa trực tiếp năm 2018 theo các điều kiện CIF, FOB;

(4) Thông tin về chi phí bảo hiểm, chi phí vận tải đối với hàng hóa nhập khẩu trực tiếp năm 2018 theo: tên mặt hàng, nhóm hàng; phương thức vận tải; nước hoặc châu lục xuất khẩu hàng hóa cho Việt Nam.

Lưu ý: không thu thập thông tin về chi phí bảo hiểm, chi phí vận chuyển hàng hóa trong nội địa của nước xuất khẩu hàng hóa cho Việt Nam.

b. Phiếu thu thập thông tin

Cuộc điều tra áp dụng 07 loại phiếu:

- Phiếu 01/ĐTXNKDV-HK: áp dụng cho các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh chính là dịch vụ vận tải hàng không, dịch vụ cảng hàng không và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải hàng không;

- Phiếu 02/ĐTXNKDV-HH: áp dụng cho các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh chính là dịch vụ vận tải biển, dịch vụ hàng hải và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải biển;

- Phiếu 03/ĐTXNKDV-BCVT: áp dụng cho các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh chính là dịch vụ bưu chính, chuyển phát và dịch vụ viễn thông;

- Phiếu 04/ĐTXNKDV-BH: áp dụng cho các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh chính là dịch vụ bảo hiểm và tái bảo hiểm;

- Phiếu 05/ĐTXNKDV-TCNH: áp dụng cho các ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính;

- Phiếu 06/ĐTXNKDV-DVK: áp dụng cho các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh chính là các dịch vụ khác;

- Phiếu 07/ĐTXNKDV-IF: áp dụng cho các doanh nghiệp có hoạt động nhập khẩu trực tiếp hàng hóa năm 2018.

5. Các bảng danh mục sử dụng trong điều tra

Cuộc điều tra này áp dụng 05 bảng danh mục sau:

(1) Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ban hành theo Quyết định số 27/2018/QĐ-TTg ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ;

(2) Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành theo Quyết định số 124/2004/QĐ-TTg ngày 8 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ và được cập nhật đến thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2019;

(3) Danh mục dịch vụ xuất, nhập khẩu Việt Nam (VCITS) ban hành theo Quyết định số 28/2011/QĐ-TTg ngày 17 tháng 5 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ (Phụ lục 2);

(4) Danh mục nhóm/mặt hàng nhập khẩu ban hành kèm theo phương án (Phụ lục 3);

(5) Danh mục nước và vùng, lãnh thổ phân theo khu vực địa lý ban hành kèm theo phương án (Phụ lục 4).

6. Loại điều tra và phương pháp thu thập thông tin

a. Loại điều tra

Cuộc điều tra kết hợp điều tra toàn bộ và điều tra chọn mẫu, được thực hiện theo 2 bước:

Bước 1: Chọn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

- Đối với kỳ điều tra toàn bộ chu kỳ 5 năm: Tổng cục Thống kê chọn 40 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung nhiều doanh nghiệp có hoạt

động xuất, nhập khẩu dịch vụ và doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa lớn để tiến hành điều tra.

- Đối với kỳ điều tra mẫu chu kỳ năm: Tổng cục Thống kê chọn 23 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung nhiều doanh nghiệp có hoạt động xuất, nhập khẩu dịch vụ để tiến hành điều tra.

Bước 2: Chọn đơn vị điều tra

(1) Đối với kỳ điều tra toàn bộ chu kỳ 5 năm:

- Điều tra toàn bộ đối với các doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh chính thuộc các lĩnh vực:

+ Dịch vụ vận tải hàng không sử dụng Phiếu 01/ĐTXNKDV-HK: gồm các doanh nghiệp vận tải hàng hóa, vận tải hành khách, dịch vụ thương mại kỹ thuật hàng không, dịch vụ hỗ trợ và liên quan đến vận tải hàng không;

+ Dịch vụ vận tải đường biển sử dụng Phiếu 02/ĐTXNKDV-HH: gồm các doanh nghiệp vận tải hàng hóa, vận tải hành khách, dịch vụ thương mại kỹ thuật đường biển, dịch vụ hỗ trợ và liên quan đến vận tải đường biển;

+ Dịch vụ bưu chính, viễn thông sử dụng Phiếu 03/ĐTXNKDV-BCVT: gồm các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bưu chính, chuyển phát và viễn thông;

+ Dịch vụ bảo hiểm sử dụng Phiếu 04/ĐTXNKDV-BH: gồm các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ, tái bảo hiểm, dịch vụ hỗ trợ và liên quan đến bảo hiểm;

+ Dịch vụ tài chính ngân hàng sử dụng Phiếu 05/ĐTXNKDV-TCNH: gồm các doanh nghiệp, tổ chức tài chính hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng;

+ Dịch vụ khác sử dụng Phiếu 06/ĐTXNKDV-DVK: gồm các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ khác. Riêng Hà Nội, Đồng Nai, Bình Dương và thành phố Hồ Chí Minh điều tra mẫu (chọn các doanh nghiệp có tổng giá trị thu, chi về dịch vụ khác với nước ngoài chiếm tỷ trọng từ 70% giá trị thu, chi dịch vụ khác của tỉnh, thành phố đó từ cuộc điều tra diện rộng năm 2014- danh sách doanh nghiệp do Vụ Thống kê Thương mại và Dịch vụ gửi).

- Điều tra chọn mẫu về chi phí vận tải và bảo hiểm đối với các doanh nghiệp có hoạt động nhập khẩu trực tiếp hàng hóa từ nước ngoài sử dụng Phiếu 07/ĐTXNKDV-IF: chọn mẫu các doanh nghiệp có tổng giá trị nhập khẩu chiếm 70% kim ngạch nhập khẩu trong năm 2018.

(2) Đối với kỳ điều tra mẫu chu kỳ năm:

- Điều tra toàn bộ các doanh nghiệp thuộc đối tượng và đơn vị điều tra có hoạt động kinh doanh chính thuộc các lĩnh vực vận tải hàng không sử dụng Phiếu 01/ĐTXNKDV-HK; vận tải biển sử dụng Phiếu 02/ĐTXNKDV-HH; dịch vụ bưu chính viễn thông sử dụng Phiếu 03/ĐTXNKDV-BCVT; dịch vụ bảo

hiểm sử dụng Phiếu 04/ĐTXNKDV-BH; dịch vụ tài chính ngân hàng sử dụng Phiếu 05/ĐTXNKDV-TCNH.

- Điều tra chọn mẫu các doanh nghiệp thuộc đối tượng và đơn vị điều tra có hoạt động sản xuất kinh doanh chính thuộc các ngành khác có giao dịch về dịch vụ với nước ngoài sử dụng Phiếu 06/ĐTXNKDV-DVK. Mẫu được chọn trên cơ sở kết hợp các danh sách sau:

+ Danh sách các doanh nghiệp có giao dịch về dịch vụ với nước ngoài trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong điều tra toàn bộ;

+ Danh sách các doanh nghiệp có thu, chi về dịch vụ với nước ngoài của năm 2018 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cung cấp;

Tổng cục Thống kê tiến hành chọn mẫu các doanh nghiệp có hoạt động thu, chi về dịch vụ với nước ngoài chiếm tỷ trọng từ 70% tổng giá trị thu, chi của các dịch vụ khác và gửi danh sách doanh nghiệp điều tra về các Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được chọn thực hiện cuộc điều tra này (viết gọn là Cục Thống kê cấp tỉnh) để tiến hành thu thập thông tin.

Trong trường hợp mất mẫu, các Cục Thống kê cấp tỉnh thay thế doanh nghiệp trong danh sách dự phòng để bổ sung vào danh sách mẫu.

b. Phương pháp thu thập thông tin

Cuộc điều tra áp dụng kết hợp phương pháp điều tra trực tiếp và điều tra gián tiếp:

- Phương pháp điều tra trực tiếp: Cục Thống kê cấp tỉnh cử điều tra viên đến doanh nghiệp, giải thích từng chỉ tiêu và đề nghị doanh nghiệp cung cấp số liệu để ghi vào phiếu điều tra;

- Phương pháp điều tra gián tiếp: Cục Thống kê cấp tỉnh mời doanh nghiệp đến tổ chức tập huấn hoặc liên hệ với doanh nghiệp bằng thư điện tử để hướng dẫn cách ghi thông tin vào phiếu điều tra, quy định thời gian và nơi nhận để các doanh nghiệp tự ghi thông tin vào phiếu điều tra và gửi cho Cục Thống kê theo quy định của phương án điều tra.

7. Phương pháp xử lý, tổng hợp thông tin và biểu đầu ra

a. Phương pháp xử lý thông tin: phiếu điều tra sau khi kiểm tra, làm sạch sẽ được nhập tin trực tuyến theo chương trình phần mềm do Trung tâm tin học hướng dẫn thực hiện.

b. Quy trình tổng hợp thông tin: kết quả suy rộng và tổng hợp được thực hiện tại Tổng cục Thống kê.

- Tổng hợp kết quả thu, chi về dịch vụ với nước ngoài:

+ Các ngành điều tra toàn bộ: kết quả tổng hợp trực tiếp từ phiếu điều tra;

+ Các ngành được chọn mẫu: tổng hợp kết quả mẫu, sau đó tính hệ số suy rộng cho từng ngành căn cứ vào kết quả điều tra diện rộng về xuất, nhập khẩu dịch vụ kỳ gần nhất, tỷ trọng giá trị xuất, nhập khẩu của các doanh nghiệp mẫu trong mỗi nhóm ngành; suy rộng kết quả xuất, nhập khẩu dịch vụ của từng ngành, thực hiện bằng chương trình phần mềm được Tổng cục Thống kê thiết kế sẵn;

Công thức tính tỷ trọng cho từng dịch vụ chọn mẫu:

$$\text{Tỷ trọng thu hoặc chi dịch vụ } j \text{ kỳ gốc} = \frac{\text{Tổng giá trị thu hoặc chi về dịch vụ } j \text{ của tổng thể mẫu kỳ gốc}}{\text{Tổng giá trị thu hoặc chi về toàn bộ dịch vụ } j \text{ kỳ gốc}}$$

Công thức suy rộng theo phương pháp tỷ trọng:

$$\text{Tổng giá trị thu hoặc chi dịch vụ } j \text{ kỳ điều tra của tổng thể chung} = \frac{\text{Tổng giá trị thu hoặc chi về dịch vụ } j \text{ của tổng thể mẫu kỳ điều tra}}{\text{Tỷ trọng thu hoặc chi dịch vụ } j \text{ của tổng thể mẫu kỳ gốc}}$$

Trong đó: j là các loại dịch vụ xuất, nhập khẩu (vận tải; bưu chính viễn thông; bảo hiểm và dịch vụ khác).

+ Tổng hợp kết quả chung từ kết quả điều tra toàn bộ và kết quả suy rộng của các ngành dịch vụ được điều tra chọn mẫu.

- Tổng hợp kết quả chi phí bảo hiểm và vận tải đối với hàng hóa nhập từ kỳ điều tra toàn bộ chu kỳ 5 năm: tính toán tỷ lệ chi phí bảo hiểm và vận tải đối với hàng hóa nhập khẩu, sau đó dùng tỷ lệ tính toán được kết hợp với tổng trị giá nhập khẩu hàng hóa trong năm để suy rộng tổng số chi phí về vận tải và bảo hiểm trong tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của năm đó.

c. Biểu đầu ra: được xây dựng trên cơ sở yêu cầu hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; yêu cầu quản lý của Bộ, ngành; nhu cầu của người sử dụng và thông tin thu thập từ phiếu điều tra (Phụ lục 5).

8. Kế hoạch thực hiện

a. Chuẩn bị điều tra: thời gian thực hiện từ tháng 01 đến tháng 9 năm 2018, gồm các công việc:

- Ra quyết định điều tra;
- Xây dựng phương án điều tra;
- Lập danh sách và rà soát đơn vị điều tra;

- Chọn mẫu điều tra;
- In phương án điều tra;
- Tập huấn, hướng dẫn các địa phương;
- Xây dựng hệ thống biểu đầu ra và chương trình phần mềm nhập tin, kiểm tra và tổng hợp kết quả điều tra.

b. Triển khai điều tra: thời gian thực hiện từ ngày 01/7/2019 đến ngày 31/7/2019 đối với kỳ điều tra toàn bộ chu kỳ 5 năm (thu thập số liệu năm 2018 và dự tính 6 tháng đầu năm 2019); từ ngày 01/3/2020 đến ngày 31/3/2020 đối với kỳ điều tra mẫu chu kỳ năm (thu thập số liệu thực hiện 6 tháng đầu năm và cả năm 2019).

Cục Thống kê cấp tỉnh thực hiện các công việc:

- (1) Liên hệ với doanh nghiệp được chọn điều tra, tập huấn, hướng dẫn doanh nghiệp ghi phiếu, gửi phiếu;
- (2) Triển khai thu thập thông tin tại các doanh nghiệp;
- (3) Kiểm tra, làm sạch thông tin, đánh mã số và nhập tin theo chương trình phần mềm trực tuyến xong trước ngày 30/9/2019 (đối với kỳ điều tra toàn bộ chu kỳ 5 năm) và trước ngày 20/4/2020 (đối với kỳ điều tra mẫu chu kỳ năm).

c. Xử lý, tổng hợp, công bố kết quả điều tra: Tổng cục Thống kê thực hiện xử lý, tổng hợp trước ngày 01/12/2019 và công bố kết quả điều tra trong tháng 12/2019 (đối với kỳ điều tra toàn bộ chu kỳ 5 năm); báo cáo kết quả số liệu thực hiện 6 tháng đầu năm và cả năm 2019 vào ngày 22/6/2020 (đối với kỳ điều tra mẫu chu kỳ năm).

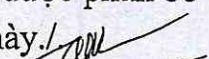
9. Tổ chức thực hiện

- Ở cấp Trung ương: Vụ Thống kê Thương mại và Dịch vụ là đơn vị thường trực chỉ đạo điều tra, có trách nhiệm phối hợp với Vụ Phương pháp chế độ thống kê và Công nghệ thông tin xây dựng phương án điều tra; phối hợp với Trung tâm tin học xây dựng, phổ biến và hướng dẫn sử dụng, quản lý phiếu điều tra theo hình thức điện tử, chương trình phần mềm xử lý kết quả điều tra; trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, giám sát điều tra ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được chọn điều tra; tổng hợp và phân tích kết quả cuộc điều tra.

- Ở cấp địa phương: Cục trưởng Cục Thống kê giao Phòng Thống kê Thương mại (hoặc Phòng Thống kê Công Thương) chịu trách nhiệm triển khai, thu thập, kiểm tra, đánh mã, nhập tin, kiểm tra số liệu đã nhập tin và gửi về Tổng cục Thống kê.

10. Kinh phí điều tra

Kinh phí điều tra xuất nhập khẩu dịch vụ năm 2019 do ngân sách nhà nước đảm bảo cho các hoạt động của phương án này. Việc quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí được thực hiện theo Thông tư số 109/2017/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia và hướng dẫn thực hiện quyết toán kinh phí điều tra năm 2019 của Tổng cục Thống kê.

Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được chọn tổ chức điều tra căn cứ vào nội dung của phương án điều tra, kinh phí đã được phân bổ và chế độ tài chính hiện hành để tổ chức thực hiện tốt cuộc điều tra này. / 

TỔNG CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Bích Lâm

Phụ lục 1

**Danh sách các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
được chọn điều tra và số lượng đơn vị điều tra**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 182/QĐ-TCTK ngày 27 tháng 7 năm 2018
của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê)

STT	Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Số lượng DN điều tra		
		Điều tra toàn bộ chu kỳ 5 năm		Điều tra mẫu chu kỳ năm
		Xuất, nhập khẩu dịch vụ	Chi phí vận tải và bảo hiểm	
	Tổng số	15.985	4.400	2.020
1	TP. Hồ Chí Minh	7.000	1.500	550
2	TP. Hà Nội	4.000	1.000	500
3	TP. Đà Nẵng	1.000	80	50
4	Bình Dương	800	600	200
5	Đồng Nai	750	450	120
6	TP. Hải Phòng	600	200	100
7	Bà Rịa - Vũng Tàu	450	80	100
8	Hải Dương	100	80	50
9	Bắc Ninh	100	80	40
10	Long An	100	80	40
11	Thừa Thiên - Huế	80		30
12	Khánh Hòa	80	50	30
13	Hưng Yên	70	50	30
14	Thái Bình	40		
15	Quảng Ninh	60	50	20
16	Cần Thơ	60		20
17	Tây Ninh	50		15
18	Vĩnh Phúc	50	50	20

STT	Tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Số lượng DN điều tra		
		Điều tra toàn bộ chu kỳ 5 năm		Điều tra mẫu chu kỳ năm
		Xuất, nhập khẩu dịch vụ	Chi phí vận tải và bảo hiểm	
19	Nghệ An	40		15
20	Lâm Đồng	15		10
21	Quảng Nam	40	50	
22	Bình Định	40		21
23	Hà Tĩnh	40		20
24	Bắc Giang	35		19
25	Bình Phước	35		
26	Hà Nam	35		
27	Thanh Hóa	30		20
28	Nam Định	30		
29	Kiên Giang	30		
30	Bình Thuận	30		
31	Tiền Giang	25		
32	Cà Mau	25		
33	Bến Tre	20		
34	Đắk Lắk	20		
35	Quảng Bình	20		
36	Quảng Ngãi	20		
37	Đồng Tháp	20		
38	Phú Thọ	15		
39	Thái Nguyên	15		
40	Sóc Trăng	15		